

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2018



# Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 33
Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 3 năm 2018	34

---

---

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.851.792.029.275</b>	<b>1.992.581.092.740</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>771.206.773.417</b>	<b>45.526.045.057</b>
111	1. Tiền		37.345.451.826	37.663.281.718
112	2. Các khoản tương đương tiền		733.861.321.591	7.862.763.339
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>22.450.690.556</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000.000	22.450.690.556
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>635.791.548.515</b>	<b>798.457.888.127</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	99.721.016.057	245.324.644.802
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	410.010.294.175	86.687.026.819
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	146.974.190.411
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	126.245.999.778	319.657.787.590
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(185.761.495)	(185.761.495)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.330.576.337.739</b>	<b>1.113.935.572.371</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.330.576.337.739	1.113.935.572.371
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.217.369.604</b>	<b>12.210.896.629</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.120.539.183	2.066.022.711
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.096.830.421	10.144.873.918
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.937.196.593.646</b>	<b>4.368.808.370.289</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>36.328.549.127</b>	<b>101.606.812.236</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	62.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	36.328.549.127	39.106.812.236
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.729.381.245</b>	<b>4.663.926.633</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.885.841.819	3.447.150.264
222	Nguyên giá		8.919.958.083	8.847.572.628
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.034.116.264)	(5.400.422.364)
227	2. Tài sản cố định vô hình		843.539.426	1.216.776.369
228	Nguyên giá		5.051.558.530	4.866.558.530
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.208.019.104)	(3.649.782.161)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>3.836.601.990</b>
231	1. Nguyên giá		816.491.827	4.751.468.227
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(816.491.827)	(914.866.237)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.921.613.600</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.921.613.600	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>4.870.024.602.880</b>	<b>4.240.881.862.880</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	11.1	3.201.524.602.880	3.488.881.862.880
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	11.2	1.666.500.000.000	750.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.3	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.192.446.794</b>	<b>17.819.166.550</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		8.612.982.150	2.489.748.970
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		15.579.464.644	15.329.417.580
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.788.988.622.921</b>	<b>6.361.389.463.029</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.224.211.497.401</b>	<b>3.574.467.799.289</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.861.573.762.166</b>	<b>2.211.785.208.839</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	30.257.704.921	382.878.730.316
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	886.334.471.663	253.248.176.284
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.267.486.949	15.925.025.573
314	4. Phải trả người lao động		9.941.980.958	16.672.526.402
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	608.292.410.114	480.249.012.214
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	207.711.756.804	254.393.276.295
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.075.459.761.484	795.631.823.655
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.308.189.273	12.786.638.100
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.362.637.735.235</b>	<b>1.362.682.590.450</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		3.222.624.075	3.231.722.075
338	2. Vay và nợ dài hạn	17	830.552.271.618	836.252.402.000
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	18	479.448.085.506	471.345.926.226
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	19	49.414.754.036	51.852.540.149
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.564.777.125.520</b>	<b>2.786.921.663.740</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>3.564.777.125.520</b>	<b>2.786.921.663.740</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.115.765.630.000	1.572.264.090.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.115.765.630.000	1.572.264.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		742.891.003.061	492.051.147.061
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	18	40.503.427.830	40.503.427.830
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.940.860.165	5.940.860.165
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		659.676.204.464	676.162.138.684
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		385.460.619.274	130.386.791.500
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		274.215.585.190	545.775.347.184
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.788.988.622.921</b>	<b>6.361.389.463.029</b>

Phạm Thị Dương Liễu  
Người lập

Lương Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Chu Chee Kwang  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

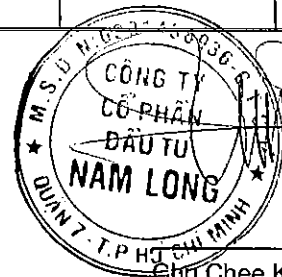
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	109.375.054.672	242.872.389.636	523.675.200.221	686.797.673.192
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	(1.484.466.390)
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	109.375.054.672	242.872.389.636	523.675.200.221	685.313.206.802
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(75.392.663.256)	(212.897.981.704)	(411.580.068.355)	(577.208.561.996)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.982.391.416	29.974.407.932	112.095.131.866	108.104.644.806
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	134.641.629.983	474.780.269.077	351.995.848.921	563.029.561.862
22	7. Chi phí tài chính	23	(34.291.177.004)	(36.995.718.768)	(95.572.492.546)	(105.683.939.712)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(32.962.480.712)	(37.376.082.970)	(93.758.649.076)	(93.013.979.539)
24	8. Chi phí bán hàng		(3.771.084.297)	(2.094.423.442)	(9.026.496.870)	(21.611.564.141)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(29.940.561.146)	(23.367.883.158)	(85.367.830.208)	(69.827.335.522)
30	10. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		100.621.198.952	442.296.651.641	274.124.161.163	474.011.367.293
31	11. Thu nhập khác		6.010.625.622	512.474.258	7.280.166.269	1.976.240.668
32	12. Chi phí khác		(3.745.940.191)	(33.454.341)	(3.747.436.311)	(34.212.623)
40	13. Lãi khác		2.264.685.431	479.019.917	3.532.729.958	1.942.028.045
50	14. Lãi kế toán trước thuế		102.885.884.383	442.775.671.558	277.656.891.121	475.953.395.338
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(691.758.721)	(1.813.520.969)	(3.691.352.995)	(3.469.579.014)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24	-	639.277.751	250.047.064	547.253.818
60	17. Lãi sau thuế TNDN		102.194.125.662	441.601.428.340	274.215.585.190	473.031.070.142

Phạm Thị Dương Liễu  
Người lập

Lương Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng



Chu Chee Kwang  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

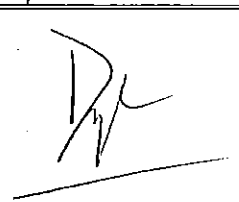
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		<b>277.656.891.121</b>	<b>475.953.395.338</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		1.290.305.253	1.237.496.753
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(351.995.848.921)	(563.029.561.862)
06	Chi phí lãi vay	23	93.758.649.076	93.013.979.539
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		<b>20.709.996.529</b>	<b>7.175.309.768</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(96.563.588.259)	185.391.918.159
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(216.640.765.368)	35.662.950.592
11	Giảm các khoản phải trả		198.198.710.002	(327.680.960.496)
12	Giảm chi phí trả trước		(6.432.233.989)	1.232.661.247
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.161.481.681)	(53.735.493.106)
15	Thuế TNDN đã nộp		(702.795.968)	(42.374.410.516)
16	Thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	428.997.440
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(318.300.000)	(1.575.360.575)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		<b>(151.910.458.734)</b>	<b>(195.474.387.487)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(3.178.999.055)	(38.500.000)
22	Tiền thu thanh lý tài sản		3.934.976.400	-
23	Tiền chi cho vay		(9.000.000.000)	(34.559.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		240.924.880.967	28.664.682.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.017.334.000.000)	(1.197.311.750.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.427.250.000	158.366.429.146
27	Tiền lãi và cổ tức		410.603.909.546	312.494.683.940
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		<b>(334.621.982.142)</b>	<b>(732.383.454.914)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi		566.015.086.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		979.999.944.995	1.165.763.336.107
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(299.829.264.365)	(254.709.643.452)
36	Cổ tức đã trả		(33.972.597.394)	(35.722.736.202)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>1.212.213.169.236</b>	<b>875.330.956.453</b>

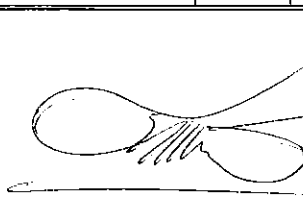
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

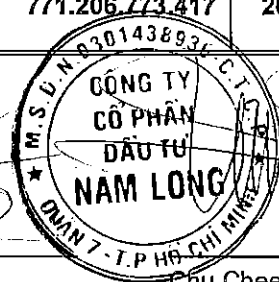
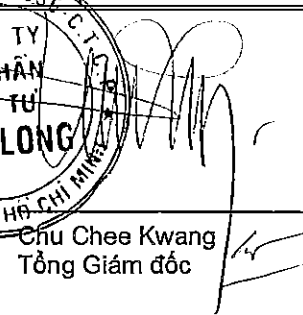
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		725.680.728.360	(52.526.885.948)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		45.526.045.057	255.845.852.248
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	771.206.773.417	203.318.966.300



Phạm Thị Dương Liễu  
Người lập



Lương Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Chu Chee Kwang  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 27 tháng 12 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã NLG theo Quyết định số 14/2013/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 25 tháng 1 năm 2013.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty có mười bốn công ty con trực tiếp, hai công ty con gián tiếp và hai công ty liên doanh với chi tiết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Bất Động Sản Nam Long ("Nam Long PMD")	Tp. Hồ Chí Minh ("TPHCM")	Xây dựng và bất động sản	100
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nam Long ("Dịch vụ Nam Long")	TPHCM	Dịch vụ và xây lắp	100
Công ty Cổ phần Nam Long - Hồng Phát ("Nam Long – Hồng Phát")	Tp. Cần Thơ	Xây dựng và bất động sản	99,98
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nguyên Sơn ("Nguyên Sơn")	TPHCM	Bất động sản	87,33
Công ty Cổ phần Phát triển Căn hộ Nam Long ("Nam Long ADC")	TPHCM	Xây dựng và bất động sản	97,14
Công ty TNHH Một Thành Viên Sàn giao dịch Bất Động Sản Nam Long ("Sàn Giao Dịch Nam Long")	TPHCM	Sàn giao dịch bất động sản	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Xây dựng Phát triển Nam Khang ("Nam Khang")	TPHCM	Xây dựng và bất động sản	100
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nam Viên ("Nam Viên")	TPHCM	Dịch vụ	81,25
Công ty TNHH Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Nam Khang ("Xây Dựng Nam Khang")	TPHCM	Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng	100
Công ty Cổ phần Nam Long VCD ("Nam Long VCD")	Tỉnh Long An	Xây dựng và bất động sản	99,91
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phan ("Nam Phan")	TPHCM	Xây dựng và bất động sản	100
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh Doanh Bất Động Sản Nguyên Phúc ("Nguyên Phúc")	TPHCM	Bất động sản	50,00
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh Doanh Bất Động Sản Thảo Nguyên ("Thảo Nguyên")	TPHCM	Bất động sản	50,00
Công ty TNHH NLG – NNR – HR Fuji ("NLG – NNR – HR Fuji")	TPHCM	Xây dựng và bất động sản	50,00
Công ty TNHH NNH Kikyo Flora ("Kikyo Flora")	TPHCM	Bất động sản	50,00
Công ty TNHH NNH Kikyo Valora ("Kikyo Valora")	TPHCM	Bất động sản	50,00
<b>Công ty liên doanh</b>			
Công ty Cổ phần NNH Mizuki ("NNH Mizuki")	TPHCM	Bất động sản	50,00
Công ty Cổ phần Southgate ("Southgate")	TPHCM	Bất động sản	50,00



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

Hoạt động chính theo đăng ký trong kỳ hiện hành của Công ty là xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); san lấp mặt bằng; thi công xây dựng hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt và sửa chữa hệ thống điện dưới 35KV; dịch vụ môi giới nhà đất; khai thác, mua bán vật liệu xây dựng; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị, đầu tư xây dựng, kinh doanh, quản lý, khai thác, cho thuê công trình: cao ốc văn phòng, siêu thị, trường học, bể bơi, khách sạn, nhà hàng, sân golf, khu thể dục thể thao, khu du lịch nghỉ mát (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ tư vấn quản lý dự án; thẩm tra thiết kế; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 11, Tòa nhà Capital Tower, Số 6, Đường Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, và một chi nhánh ở Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho là các dự án phát triển của Công ty đang trong giai đoạn sản xuất kinh doanh dở dang và chủ yếu bao gồm các căn hộ, nhà phố và biệt thự đang xây dựng để bán và đất chờ bán.

Căn hộ, nhà phố và biệt thự đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển căn hộ, nhà phố và biệt thự, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ, nhà phố và biệt thự, các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ, nhà phố và biệt thự được trình bày trong mục "Hàng tồn kho" theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, đền bù giải tỏa và thi công hạ tầng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu trừ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất được khấu trừ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được khấu trừ.

**3.5 Thuê tài sản**

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 6 - 25 năm

Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu trừ.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- ▶ Nhà mẫu; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát, được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán biệt thự, nhà phố và căn hộ*

Đối với các biệt thự, nhà phố và căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến biệt thự, nhà phố và căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

*Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng*

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ, tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	151.601.692	903.512.290
Tiền gửi ngân hàng	37.193.850.134	36.759.769.428
Các khoản tương đương tiền (*)	733.861.321.591	7.862.763.339
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>771.206.773.417</u></b>	<b><u>45.526.045.057</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu tháng với lãi suất 6,8%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 25)	55.106.639.929	166.948.257.703
Phải thu các khách hàng khác	44.614.376.128	78.376.387.099
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.721.016.057</u></b>	<b><u>245.324.644.802</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(185.761.495)	(185.761.495)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>99.535.254.562</u></b>	<b><u>245.138.883.307</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước mua đất và các dự án bất động sản	206.551.343.107	31.381.332.531
- VSIP Hải Phòng	111.676.676.364	-
- Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận 7	63.553.339.254	27.984.607.179
- Khác	31.321.327.489	3.396.725.352
Trả trước cho các nhà thầu phụ	128.474.450.478	51.500.562.227
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Central	17.713.357.806	-
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Điện Quang Nguyên	-	12.137.084.331
- Các nhà thầu phụ khác	110.761.092.672	39.363.477.896
Trả trước cho bên liên quan (TM số 25)	74.984.500.590	3.805.132.061
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>410.010.294.175</u></b>	<b><u>86.687.026.819</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cho vay các bên liên quan (TM số 25)	-	209.474.190.411

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác đền bù	66.401.802.000	71.355.337.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	36.553.902.330	82.440.255.459
Tạm ứng khác cho nhân viên	6.631.815.908	5.415.508.910
Trả trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo tiến độ thanh toán của khách hàng	5.099.414.870	4.340.100.907
Phải thu lãi vay	2.974.944.978	107.126.697.743
Thu hồi vốn từ Kikyo Valora	-	39.427.250.000
Khác	8.584.119.692	9.552.637.571
	<u>126.245.999.778</u>	<u>319.657.787.590</u>
<b>Dài hạn</b>		
Đầu tư vào các HĐHTKD	31.603.067.476	34.391.676.806
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.724.425.931	2.724.425.931
Khác	2.001.055.720	1.990.709.499
	<u>36.328.549.127</u>	<u>39.106.812.236</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>162.574.548.905</b></u>	<u><b>358.764.599.826</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác các bên khác</i>	137.596.557.468	185.950.562.509
<i>Phải thu khác các bên liên quan (TM số 25)</i>	24.977.991.437	172.814.037.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bất động sản dở dang (i)	1.324.011.754.841	1.094.068.988.894
Dịch vụ (ii)	6.564.582.898	19.866.583.477
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.330.576.337.739</b>	<b>1.113.935.572.371</b>
(i) Dự án bất động sản dở dang:		
Dự án Khu dân cư Hoàng Nam (*)	797.429.509.208	707.142.669.894
Dự án Areco	187.102.788.521	172.969.198.974
Dự án Long An (*)	105.432.828.757	2.904.660.272
Dự án Tân Thuận Đông	81.695.238.588	72.421.436.539
Dự án Phước Long B - mở rộng	77.846.595.292	74.029.045.476
Dự án Cần Thơ	44.114.121.456	46.663.022.583
Dự án Gò Ô Môi	17.403.713.349	16.285.328.188
Các dự án khác	12.986.959.670	1.653.626.968
(ii) Dự án dịch vụ:		
Dự án Camelia	5.566.032.172	19.866.583.477
Khác	998.550.726	-

(\*) Các quyền sử dụng đất sau đây được dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty (TM số 17):

- Quyền sử dụng đất tại Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An; và
- Quyền sử dụng đất tại Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty con (TM số 11.1)	3.201.524.602.880	3.488.881.862.880
Đầu tư vào công ty liên doanh (TM số 11.2)	1.666.500.000.000	750.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 11.3)	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.870.024.602.880</b>	<b>4.240.881.862.880</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.1 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

Công ty con	Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
	%	VND	%	VND
Nam Long VCD	(i) 90,40	1.008.544.090.000	90,40	1.008.544.090.000
Nam Phan	99,96	611.686.896.717	99,96	611.686.896.717
Nguyễn Sơn	(i) 87,30	398.843.562.800	87,30	687.034.822.800
NLG – NNR – HR Fuji	(ii) 50,00	355.214.839.707	50,00	355.214.839.707
Nam Long ADC	97,14	286.698.033.000	97,14	286.698.033.000
Nam Khang	100	201.981.690.000	100	201.981.690.000
Kikyo Valora	(ii) 50,00	99.000.000.000	50,00	99.000.000.000
Nam Long PMD	100	77.872.707.656	100	77.872.707.656
Kikyo Flora	(ii) 50,00	64.000.000.000	50,00	64.000.000.000
Nam Long – Hồng Phát	75,25	47.782.500.000	75,25	47.782.500.000
Thảo Nguyên	(i), (ii) 50,00	28.483.116.500	50,00	28.483.116.500
Nguyễn Phúc	(ii) 50,00	12.043.166.500	50,00	12.043.166.500
SGD Nam Long	100	6.000.000.000	100	6.000.000.000
Dịch vụ Nam Long	100	3.374.000.000	100	2.540.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.201.524.602.880</b>		<b>3.488.881.862.880</b>

(i) Các công ty con này vẫn đang trong giai đoạn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(ii) Công ty nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết trong các công ty này.

**11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần NNH Mizuki	Bất động sản	50	750.000.000.000	50	750.000.000.000
Công ty Cổ phần Southgate	Bất động sản	50	916.500.000.000		-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.666.500.000.000</b>		<b>750.000.000.000</b>

**11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
	%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bắc Trung Nam	4	2.000.000.000		2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 25)	22.548.521.105	252.029.682.248
Phải trả cho các bên khác	7.709.183.816	130.849.048.068
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.257.704.921</b>	<b>382.878.730.316</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Đây là các khoản ứng trước từ khách hàng có nhu cầu mua căn hộ, nhà phố, biệt thự và đất nhưng chưa nhận bàn giao.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.687.779.502	12.472.437.815
Thuế thu nhập cá nhân	318.237.560	2.783.614.758
Thuế giá trị gia tăng	258.980.444	666.483.557
Các loại thuế khác	2.489.443	2.489.443
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.267.486.949</b>	<b>15.925.025.573</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trích trước chi phí hoàn thành dự án	456.077.549.449	369.671.525.102
Chi phí lãi vay phải trả	139.074.622.461	93.644.116.960
Các khoản chi phí hoạt động khác	13.140.238.204	16.933.370.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>608.292.410.114</b>	<b>480.249.012.214</b>
<i>Trong đó :</i>		
<i>Chi phí phải trả cho các bên khác</i>	<i>487.426.748.064</i>	<i>409.052.295.755</i>
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (TM số 25)</i>	<i>120.865.662.050</i>	<i>71.196.716.459</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Khoản vốn nhận từ nhà đầu tư vào HĐHTKD	123.298.298.144	98.846.942.190
Phải trả lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	36.331.391.493	61.331.391.493
Phải trả tiền mượn từ cá nhân	17.160.000.000	17.160.000.000
Khoản phải trả kinh phí bảo trì duy tu bảo dưỡng	10.399.265.037	59.800.503.976
Phải chia lợi nhuận	2.722.107.673	1.035.755.657
Nhận ký quỹ	869.385.000	812.385.000
Khác	16.931.309.457	15.406.297.979
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>207.711.756.804</u></b>	<b><u>254.393.276.295</u></b>
<i>Trong đó :</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (TM số 25)</i>	93.463.796.545	130.863.796.545
<i>Phải trả khác</i>	114.247.960.259	123.529.479.750

**17. VAY VÀ NỢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (TM số 17.1 và 25)	413.870.466.000	204.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả từ bên liên quan (TM số 17.2 và 25)	564.859.242.548	436.346.310.548
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (TM số 17.1)	69.999.944.995	55.763.336.107
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (TM số 17.2)	26.730.107.941	99.522.177.000
	<u>1.075.459.761.484</u>	<u>795.631.823.655</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn từ ngân hàng (TM số 17.2)	199.774.350.801	228.548.210.000
Trái phiếu (TM số 17.3)	630.777.920.817	-
Vay dài hạn từ bên liên quan (TM số 17.2 và 25)	-	607.704.192.000
	<u>830.552.271.618</u>	<u>836.252.402.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.906.012.033.102</u></b>	<b><u>1.631.884.225.655</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

**17.1 Vay ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Vay bên liên quan</b>					
Nam Long ADC	80.000.000.000	Ngày 24 tháng 11 năm 2018	Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động	6,0	Tín chấp
Nguyễn Sơn	60.000.000.000	Ngày 24 tháng 11 năm 2019		6,0	
Nam Phan	113.870.466.000	Ngày 9 tháng 3 năm 2019		7,0	
Nam Long Hồng Phát	160.000.000.000	Ngày 27 tháng 11 năm 2018		6,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>413.870.466.000</u></b>				
<b>Vay ngân hàng</b>					
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam	<u>69.999.944.995</u>	Ngày 22 tháng 3 năm 2019	Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động	5,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

**17.2 Vay dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Vay bên liên quan</b>					
Nguyên Sơn – Khoản vay 1	245.346.310.548	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động	7,0	Tín chấp
Nguyên Sơn – Khoản vay 2	29.512.932.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2019		6,0	
Nam Phan - Khoản vay 2	290.000.000.000	Ngày 15 tháng 5 năm 2019		6,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>564.859.242.548</b>				

Trong đó :

Vay dài hạn đến hạn trả	564.859.242.548
Vay dài hạn	-

**Vay ngân hàng - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông**

Khoản vay 1	226.504.458.742	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 10 năm 2022	Mua dự án Hoàng Nam	9,9	Quyền sử dụng đất của dự án Hoàng Nam
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>226.504.458.742</b>				

Trong đó :

Vay dài hạn đến hạn trả	26.730.107.941
Vay dài hạn	199.774.350.801



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

**17.3 Trái phiếu**

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2018, Công ty đã phát hành 120 trái phiếu không chuyển đổi cho Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Aia (Việt Nam), 30 trái phiếu không chuyển đổi cho Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Generali Việt Nam và 510 trái phiếu không chuyển đổi cho Công Ty TNHH Manulife (Việt Nam) với mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,5%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 6 năm 2025 và được dùng tài trợ cho các dự án.

**18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 500.000.000.000 VND với mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu cho Ibeworth Pte. Ltd, một công ty do Keppel Land Limited nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ khi đến hạn và được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng 7%/năm từ năm 2020. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh kể từ Ngày thanh toán lãi ngay trước Ngày chuyển đổi liên quan nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi tại giá chuyển đổi là 23.500 VND/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng, nếu có.

Cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được trình bày như sau:

	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2018
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	500.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu (TM số 20)	(40.503.427.830)
<b>Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu</b>	<b>459.496.572.170</b>
Cộng: Số phân bổ lũy kế	19.951.513.336
<b>Cơ cấu nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>	<b>479.448.085.506</b>

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Số dư này thể hiện khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành và bàn giao tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.421.145.100.000	492.161.147.061	5.940.860.165	40.503.427.830	330.100.694.490	2.289.851.229.546
Phát hành cổ phiếu từ quỹ khên thưởng phúc lợi	9.581.600.000	(110.000.000)	-	-	-	9.471.600.000
Phát hành cổ phiếu từ chia cổ tức	141.537.390.000	-	-	-	(141.537.390.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	473.031.070.142	473.031.070.142
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(35.386.512.990)	(35.386.512.990)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(22.790.000.000)	(22.790.000.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2017	1.572.264.090.000	492.051.147.061	5.940.860.165	40.503.427.830	603.417.861.642	2.714.177.386.698
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.572.264.090.000	492.051.147.061	5.940.860.165	40.503.427.830	676.162.138.684	2.786.921.663.740
Phát hành cổ phiếu Cổ tức bằng cổ phiếu	314.452.810.000	250.839.856.000	-	-	-	565.292.666.000
Cổ tức bằng cổ phiếu công bố	212.242.570.000	-	-	-	(212.242.570.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	274.215.585.190	274.215.585.190
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(35.658.949.410)	(35.658.949.410)
Phân phối lợi nhuận	16.806.160.000	-	-	-	(42.800.000.000)	(25.993.840.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	2.115.765.630.000	742.891.003.061	5.940.860.165	40.503.427.830	659.676.204.464	3.564.777.125.520

## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 21. DOANH THU

#### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>523.675.200.221</b>	<b>686.797.673.192</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ dịch vụ hợp đồng tổng thầu ("EPC")	332.151.463.648	411.486.753.136
Doanh thu bán đất, căn hộ, nhà phố và biệt thự	134.598.570.465	214.628.571.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.925.166.108	60.682.348.633
<b>Trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	(1.484.466.390)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>523.675.200.221</b>	<b>685.313.206.802</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ dịch vụ hợp đồng tổng thầu ("EPC")	332.151.463.648	411.486.753.136
Doanh thu bán đất, căn hộ, nhà phố và biệt thự	134.598.570.465	213.144.105.033
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.925.166.108	60.682.348.633

#### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
Cổ tức được nhận và lãi từ các khoản đầu tư	321.748.389.541	545.270.389.489
Lãi cho bên liên quan vay	14.387.389.421	16.194.958.353
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.860.069.959	1.564.214.020
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>351.995.848.921</b>	<b>563.029.561.862</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Giá vốn từ dịch vụ hợp đồng tổng thầu ("EPC")	298.235.764.269	388.538.746.767
Giá vốn đất, căn hộ, nhà phố và biệt thự	63.502.259.852	135.180.272.156
Giá vốn dịch vụ cung cấp	49.842.044.234	53.489.543.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>411.580.068.355</u></b>	<b><u>577.208.561.996</u></b>

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay đối với trái phiếu phát hành và lãi vay ngân hàng	93.758.649.076	93.013.979.539
Chia lợi nhuận theo HĐHTKD	-	12.117.045.289
Chi phí tài chính khác	1.813.843.470	552.914.884
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>95.572.492.546</u></b>	<b><u>105.683.939.712</u></b>

### 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.691.352.995	3.469.579.014
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(250.047.064)	(547.253.818)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.441.305.931</u></b>	<b><u>2.922.325.196</u></b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i>
Dịch vụ Nam Long	Công ty con	Dịch vụ quản lý Góp vốn	3.411.688.871 834.000.000	7.617.176.956 1.795.000.000
Nam Long ADC	Công ty con	Thu nhập cổ tức Hoàn vốn hợp tác đầu tư	17.485.983.000 12.400.000.000	17.485.983.000 -
		Dịch vụ quản lý các dự án	26.390.299.255	5.405.865.400
		Vay vốn	1.000.000.000	131.110.795.000
		Chi phí lãi vay	1.933.000.000	1.731.825.000
		Hoàn tiền vay	-	130.000.000.000
		Lợi nhuận chia từ dự án Ehome	25.000.000.000	8.303.585.050
Nam Khang	Công ty con	Chi phí dịch vụ xây dựng	113.971.553.148	151.245.165.898
		Thu nhập cổ tức	37.120.000.000	1.619.039.085
		Thu phát hành cổ phiếu	25.739.208.000	-
		Lợi nhuận phải chia từ dự án Ehome	1.510.014.702	7.550.073.511
Sàn Giao Dịch Nam Long	Công ty con	Chi phí hoa hồng	37.394.325.010	23.156.590.807
Nguyễn Phúc	Công ty con	Thu nhập cổ tức	-	28.000.000.000

# Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
Nam Long VCD	Công ty con	Lãi cho vay	14.387.389.421	16.115.791.686
		Chi phí thuê	565.660.000	-
		Dịch vụ tư vấn quản lý	-	17.186.300.000
		Thu tiền nợ vay	218.474.190.411	54.602.700.000
		Cho vay	9.000.000.000	32.700.000.000
		Góp vốn	-	38.221.890.000
Nguyễn Sơn	Công ty con	Thu tiền nợ vay	310.191.260.000	-
		Vốn góp trả lại	288.191.260.000	-
		Chi phí lãi vay	20.734.368.960	23.368.739.552
		Vay	60.000.000.000	658.000.000.000
		Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý	22.956.506.849	38.604.324.579
Nam Phan	Công ty con	Hoàn tiền vay	210.129.534.000	221.500.000.000
		Chi phí lãi vay	26.763.220.632	22.559.361.109
		Dịch vụ tư vấn quản lý	2.131.854.214	12.101.784.904
		Vay	-	655.000.000.000
		Góp vốn	-	290.000.000.000
Nam Long - Hồng Phát	Công ty con	Thu nhập cổ tức	11.359.835.000	-
		Cho vay	140.000.000.000	40.000.000.000
		Lãi vay	1.760.000.000	1.166.666.667
		Lợi nhuận được chia	9.076.000.000	-
		Dịch vụ tư vấn quản lý	259.698.849	10.274.725.457
NLG – NNR – HR Fuji	Công ty con	Dịch vụ tổng thầu	40.825.490.047	205.004.545.000
		Thu nhập cổ tức	110.000.000.000	-
Kikyo Flora	Công ty con	Dịch vụ tổng thầu	92.027.300.000	49.480.470.000
		Góp vốn	-	38.589.500.000
Kikyo Valora	Công ty con	Dịch vụ tổng thầu	14.721.170.065	129.566.580.000
		Thu nhập cổ tức	25.000.000.000	-
		Góp vốn	-	116.927.250.000
NNH Mizuki	Công ty liên doanh	Dịch vụ tổng thầu	182.775.940.000	-
		Góp vốn	-	750.000.000.000
Nam Long PMD	Công ty con	Thu nhập cổ tức	3.552.000.000	-



## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b><i>Phải thu khách hàng (TM số 6)</i></b>				
NLG – NNR – HR Fujii	Công ty con	Dịch vụ tổng thầu	25.000.954.000	27.170.781.000
Nam Long VCD	Công ty con	Dự án Long An Dịch vụ tư vấn quản lý Thuê văn phòng Chuyển nhượng nền	-	60.062.970.000 3.377.340.002 6.222.259.721 19.479.344.000
Nguyên Sơn	Công ty con	Dịch vụ tư vấn quản lý	13.200.000.000	35.200.000.000
Nam Long – Hồng Phát	Công ty con	Phí dịch vụ tư vấn quản lý	1.850.998.155	13.293.294.127
Kikyo Flora	Công ty con	Dịch vụ tổng thầu	543.763.000	-
Nam Long ADC	Công ty con	Dịch vụ	11.703.749.750	-
Các cá nhân	Bên liên quan	Bán căn hộ	161.005.097	341.755.097
Các công ty khác	Công ty con	Dịch vụ tư vấn quản lý	2.646.169.927	1.800.513.756
			<b>55.106.639.929</b>	<b>166.948.257.703</b>

#### ***Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)***

Sàn Giao Dịch Nam Long	Công ty con	Dịch vụ quản lý	8.434.479.833	3.655.705.061
Nam Viên	Công ty con gián tiếp	Dịch vụ quản lý	400.038.000	149.427.000
Nam Khang	Công ty con	Dịch vụ quản lý	66.149.982.757	-
			<b>74.984.500.590</b>	<b>3.805.132.061</b>

#### ***Phải thu cho vay (TM số 8)***

Nam Long VCD	Công ty con	Cho vay	-	209.474.190.411
--------------	-------------	---------	---	-----------------

## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu khác (TM số 9)</b>				
Nam Long VCD	Công ty con	Chi phí lãi vay Thanh lý công cụ dụng cụ	1.731.889.422	105.883.642.187 - 2.197.028.413
Kikyo Valora	Công ty con	Tạm ứng tiền mua đất	-	39.427.250.000
Nam Phan	Công ty con	Thu hồi vốn góp BCC	18.000.000.000	18.000.000.000
NNH Mizuki	Công ty liên doanh	Chi trả hộ	-	550.000.000
Các công ty khác	Công ty con	Phải thu khác	5.246.102.015	6.756.116.717
			<b>24.977.991.437</b>	<b>172.814.037.317</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 12)</b>				
Nam Khang	Công ty con	Phí dịch vụ xây dựng	-	225.460.477.248
Nam Long ADC	Công ty con	Phí dịch vụ tư vấn quản lý	21.913.566.969	21.983.578.442
Các công ty khác	Công ty con	Phí dịch vụ	634.954.136	4.585.626.558
			<b>22.548.521.105</b>	<b>252.029.682.248</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)</b>				
Nam Long ADC	Công ty con	Nhận góp vốn HĐHTKD - Dự án Ehome	56.993.726.134	69.393.726.134
		Chia lợi nhuận - Dự án Ehome	36.331.391.493	61.331.391.493
Nam Phan	Công ty con	Nhận góp vốn HĐHTKD	138.678.918	138.678.918
			<b>93.463.796.545</b>	<b>130.863.796.545</b>



## Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)




Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Vay ngắn hạn (TM số 17)</b>				
Nam Phan	Công ty con	Vay	403.870.466.000	614.000.000.000
Nguyễn Sơn	Công ty con	Vay	334.859.242.548	585.050.502.548
Nam Long ADC	Công ty con	Vay	80.000.000.000	29.000.000.000
Nam Long - Hồng Phát	Công ty con	Vay	160.000.000.000	20.000.000.000
			<b>978.729.708.548</b>	<b>1.248.050.502.548</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 15)</b>				
Nam Phan	Công ty con	Lãi vay	64.298.942.849	37.535.722.219
Nguyễn Sơn	Công ty con	Lãi vay	51.689.012.645	30.954.643.685
Nam Long Hồng Phát	Công ty con	Lãi vay	3.280.555.556	1.520.555.555
Nam Long ADC	Công ty con	Lãi vay	1.597.151.000	1.185.795.000
			<b>120.865.662.050</b>	<b>71.196.716.459</b>

### 26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.



Phạm Thị Dương Liễu  
Người lập

Lương Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Chử Chee Kwang  
Tổng Giám Đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

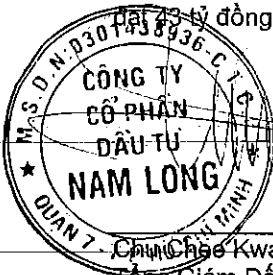
# Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

## GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 3 NĂM 2018

Thực hiện công bố thông tin của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán, Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long giải trình chỉ tiêu doanh thu và lãi thuần riêng sau thuế của Công ty trong quý 3 năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Quý 3.2018 (đồng)	Quý 3.2017 (đồng)	Tỷ lệ thay đổi
A	B	(1)	(2)	(3) = [(1) - (2)] / (2)
1	Doanh thu thuần	109.375.054.672	242.872.389.636	-55%
2	Lãi thuần sau thuế	102.194.125.662	441.601.428.340	-77%

Lợi nhuận thuần quý 3 năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu do doanh thu tài chính giảm. Doanh thu thuần quý 3 năm 2018 đạt 109 tỷ, giảm 55% tương đương 133 tỷ so với cùng kỳ năm 2017 do các dự án mới đang trong quá trình xây dựng, các dự án cũ đã dần hoàn tất tiến độ giao nhà trong năm 2017. Doanh thu chủ yếu trong quý phần lớn được đóng góp từ bán nền nhà, dịch vụ tổng thầu (chiếm khoảng 61% tổng doanh thu trong quý) thuộc dự án Long An, Fuji lần lượt đạt 49 tỷ đồng và 21 tỷ đồng trong quý 3 năm 2018.



Châu Chèo Kwang  
Tổng Giám Đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

